

**Kính gửi: Các Thương nhân được phân chỉ tiêu
mua tạm trữ lúa, gạo vụ Đông Xuân 2014-2015.**

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 2 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, quyết định về mua tạm trữ lúa, gạo vụ Đông Xuân năm 2014-2015;

Căn cứ Nghị quyết của Thường trực Ban Chấp hành Hiệp hội Lương thực Việt Nam tại cuộc họp ngày 24 tháng 2 năm 2015, thống nhất điều kiện và tiêu chí phân bổ mua lúa, gạo tạm trữ lúa, gạo vụ Đông Xuân năm 2014-2015;

Căn cứ kết quả hội nghị Triển khai mua tạm trữ lúa, gạo vụ Đông Xuân 2014-2015 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với Hiệp hội Lương thực Việt Nam tổ chức tại Thành phố Cần Thơ ngày 01 tháng 03 năm 2015.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam thông báo kế hoạch mua tạm trữ vụ Đông Xuân 2014-2015, như sau:

1. Mua tạm trữ 1.000.000 tấn (một triệu tấn) quy gạo trong vụ Đông Xuân năm 2014-2015 ở đồng bằng sông Cửu Long; theo tỷ lệ quy đổi lúa:gạo là 2:1; bao gồm các loại lúa, gạo (kể cả gạo trắng, nếp, thơm và tằm các loại).
2. Phân bổ chỉ tiêu mua lúa, gạo tạm trữ cho các thương nhân xuất khẩu gạo theo các điều kiện và tiêu chí như sau:
 - Có đăng ký mua tạm trữ vụ Đông Xuân 2014-2015;
 - Thành tích mua tạm trữ vụ Đông Xuân 2013-2014;
 - Có năng lực xuất khẩu và tiêu thụ lượng lúa, gạo tạm trữ;
 - Tham gia mô hình liên kết cánh đồng lớn.

Danh sách thương nhân được phân chỉ tiêu mua lúa, gạo tạm trữ vụ Đông Xuân 2014-2015 được đính kèm.

3. Các thương nhân tổ chức mua lúa, gạo tạm trữ tại kho riêng và thực hiện đúng theo qui định tại Điều 13, Nghị định 109/2010/NĐ-CP về “Mua lúa, gạo hàng hóa xuất khẩu”, thông báo cho Hiệp hội dự kiến số lượng mua tạm trữ tại các điểm kho trong và ngoài tỉnh đăng ký kinh doanh của thương nhân ngay sau khi nhận được chỉ tiêu tạm trữ (ghi rõ địa chỉ, dự kiến lượng thu mua của từng kho).

Các thương nhân thực hiện chế độ báo cáo tiến độ mua tạm trữ theo quy định về Hiệp hội để theo dõi, tổng hợp, báo cáo và tổ chức kiểm tra.

4. Các thương nhân thực hiện mua lúa, gạo tạm trữ theo cơ chế thị trường và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh.
5. Thời gian mua tạm trữ từ ngày 01 tháng 3 năm 2015 đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2015.

6. Các thương nhân được vay vốn tối đa là 6 tháng kể từ ngày mua tạm trữ đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2015. Lãi suất vay do ngân hàng thương mại và thương nhân thỏa thuận nhưng tối đa không vượt quá 7%/năm
7. Các thương nhân được nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay mua lúa, gạo tạm trữ vụ Đông Xuân 2014-2015, thời gian tạm trữ được hỗ trợ lãi suất tối đa là 4 tháng kể từ ngày mua tạm trữ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2015. Hồ sơ xin hỗ trợ lãi suất được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.
8. Các thương nhân ký hợp đồng vay vốn mua lúa, gạo tạm trữ với các ngân hàng thương mại do ngân hàng Nhà nước chỉ định theo chỉ tiêu được Hiệp hội phân bổ và có chế độ hạch toán, báo cáo riêng, bảo đảm chứng từ hợp lệ để báo cáo nhà nước xét hỗ trợ lãi suất theo quy định.
9. Các thương nhân không nhận hoặc giảm chỉ tiêu mua tạm trữ phải thông báo cho Hiệp hội chậm nhất là trong 3 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề Hiệp hội kịp thời điều chỉnh danh sách.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam đề nghị các thương nhân được phân bổ chỉ tiêu mua lúa, gạo tạm trữ chấp hành nghiêm chỉnh Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Thường trực Ban Chấp hành Hiệp hội, kịp thời triển khai nhanh kế hoạch mua lúa, gạo hàng hóa vụ Đông Xuân 2014-2015. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo ngay về Hiệp hội để được hướng dẫn tiếp.

Trân trọng kính chào.

TM. Ban Chấp hành HHLTVN.

Phó Chủ tịch

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN & PTNT;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng NNVN;
- UBND các tỉnh ĐBSCL;
- Sở CT các tỉnh ĐBSCL;
- Lưu: VPHH.

Thay báo cáo



Huỳnh Thế Năng

**DANH SÁCH PHÂN BỐ CHỈ TIÊU MUA TẠM TRỮ
VỤ ĐÔNG XUÂN 2014-2015**

STT	TỈNH/T. PHỐ THEO ĐỊA BÀN ĐĂNG KÝ KD	TÊN THƯƠNG NHÂN	SỐ LƯỢNG (Tấn quy gạo)
1	TP. HCM	TỔNG CTY LT MIỀN NAM	50.000
2	HÀ NỘI	TỔNG CTY LT MIỀN BẮC	30.000
3	TIỀN GIANG	CTY LT TIỀN GIANG	24.000
4	AN GIANG	CTY CP XNK AN GIANG	22.000
5	AN GIANG	CTY CP XNK NSTP AN GIANG	22.000
6	ĐỒNG THÁP	CTY LT ĐỒNG THÁP	22.000
7	KIÊN GIANG	CTY TNHH MTV DL TM KIÊN GIANG	22.000
8	LONG AN	CTY LT LONG AN	22.000
9	CẦN THƠ	CTY CP GENTRACO	18.000
10	KIÊN GIANG	CTY TNHH MTV XNK KIÊN GIANG	17.500
11	KIÊN GIANG	CTY CP NLS KIÊN GIANG	17.000
12	CẦN THƠ	CTY LT SÔNG HẬU	16.500
13	TP. HCM	CTY TNHH ĐT-SX-TM-DV PHAN MINH	15.000
14	AN GIANG	CTY CP DL AN GIANG	15.000
15	AN GIANG	CTY CP LT PHÚ VĨNH	15.000
16	AN GIANG	CTY CP BẢO VỆ THỰC VẬT AN GIANG	15.000
17	KIÊN GIANG	CTY CP KDNS KIÊN GIANG	15.000
18	SÓC TRĂNG	CTY TNHH TM & DV THÀNH TÍN	15.000
19	TP. HCM	CTY TNHH MTV LT TP HỒ CHÍ MINH	15.000
20	VĨNH LONG	CTY CP LTTP VĨNH LONG	15.000
21	AN GIANG	CTY LTTP AN GIANG	14.000
22	LONG AN	CTY TNHH THỊNH PHÁT	14.000
23	LONG AN	CTY CP TÂN ĐỒNG TIẾN	14.000
24	TRÀ VINH	CTY LT TRÀ VINH	13.000
25	TP. HCM	CTY CP ĐẦU TƯ VINH PHÁT	12.000
26	AN GIANG	CTY TNHH KHIÊM THANH	12.000
27	CẦN THƠ	CTY TNHH TRUNG AN	12.000
28	ĐỒNG THÁP	CTY TNHH XNK PHƯƠNG THANH	12.000
29	VĨNH LONG	CTY CP XNK VĨNH LONG	12.000
30	TP. HCM	CTY CP QUỐC TẾ GIA	11.500
31	BẠC LIÊU	CTY LT BẠC LIÊU	10.000
32	BẾN TRE	CTY TNHH LT THỊNH PHÁT	10.000
33	KIÊN GIANG	CTY TNHH MTV TM DV KIÊN GIANG	10.000
34	LONG AN	CTY TNHH MTV LT VĨNH HÙNG	10.000
35	SÓC TRĂNG	CTY LT SÓC TRĂNG	10.000
36	TIỀN GIANG	CTY TNHH VIỆT HÙNG	10.000
37	ĐỒNG THÁP	CTY TNHH LT NGỌC ĐỒNG	10.000
38	CẦN THƠ	CTY TNHH MTV NÔNG NGHIỆP CỔ ĐỎ	9.000
39	CÀ MAU	CTY CP XNK NSTP CÀ MAU	8.000
40	CẦN THƠ	CTY CP HIỆP THANH	8.000
41	CẦN THƠ	CTY CP HIỆP LỢI	8.000
42	LONG AN	CTY TNHH DƯƠNG VŨ	8.000
43	TIỀN GIANG	CTY TNHH PHƯỚC THÀNH 2	8.000
44	TIỀN GIANG	CTY TNHH SONG THUẬN	8.000

STT	TỈNH/T. PHỐ THEO ĐỊA BÀN ĐĂNG KÝ KD	TÊN THƯƠNG NHÂN	SỐ LƯỢNG (Tấn quy gạo)
45	TP. HCM	CTY TNHH TAN THANH AN	8.000
46	TP. HCM	CTY CP XNK THUẬN MINH	8.000
47	BÌNH ĐỊNH	CTY CP LT BÌNH ĐỊNH	8.000
48	CẦN THƠ	CTY TNHH MTV GẠO VIỆT	7.000
49	TP. HCM	CTY TNHH SX TM THẢO MINH CHÂU	7.000
50	VĨNH LONG	CTY LT VĨNH LONG	7.000
51	VĨNH LONG	CTY CP TM HỒNG TRANG	7.000
52	ĐỒNG THÁP	CTY TNHH PHÁT TÀI	6.000
53	AN GIANG	CTY CP XNK THỊNH PHÚ AN GIANG	6.000
54	CẦN THƠ	HTX THÀNH LỢI	6.000
55	ĐỒNG THÁP	CTY CP PHƯỚC ĐẠT	6.000
56	LONG AN	CTY CP XÂY LẮP-CỐ KHÍ & LTTP	6.000
57	LONG AN	CTY TNHH SX-TM PHƯƠNG QUÂN	6.000
58	TIỀN GIANG	CTY TNHH PHƯỚC ĐẠT	6.000
59	TP. HCM	CTY CP MỸ TƯỜNG	6.000
60	ĐỒNG THÁP	CTY TNHH TM DV QUANG TRUNG	6.000
61	AN GIANG	CTY CP TOÀN CẦU	5.000
62	CẦN THƠ	CTY CP NSTP XK CẦN THƠ	5.000
63	CẦN THƠ	CTY CP HOÀNG MINH NHẬT	5.000
64	CẦN THƠ	CTY CP VTKT NN CẦN THƠ	5.000
65	CẦN THƠ	CTY TNHH MTV TM XNK PHỤNG HOÀNG	5.000
66	CẦN THƠ	CTY TNHH XNK & CB LT CẦN THƠ	5.000
67	ĐỒNG THÁP	CTY TNHH MTV LT TÂN HỒNG	5.000
68	HẬU GIANG	CTY TNHH MTV THỦY SẢN HOÀNG LONG	5.000
69	LONG AN	DNTN KHÁNH TÂM	5.000
70	LONG AN	DNTN CÔNG THÀNH ÚT HẠNH	5.000
71	LONG AN	DNTN CÔNG BÌNH	5.000
72	SÓC TRĂNG	CTY TNHH TIỀN PHÁT NÔNG	5.000
73	TP. HCM	CTY TNHH XNK TM VÕ THỊ THU HÀ	5.000
74	TP. HCM	TỔNG CTY TM SÀI GÒN TNHH MTV	5.000
75	TP. HCM	CTY CP ĐT & TM TẠP PHẨM SÀI GÒN	5.000
76	LONG AN	CTY TNHH LTTP LONG AN	5.000
77	AN GIANG	CTY TNHH TM PHÚ VINH	5.000
78	TIỀN GIANG	CTY NSTP TIỀN GIANG	5.000
79	TP. HCM	CTY CP TM & DV PHÚ AN	5.000
80	CẦN THƠ	CTY CP PHÚ HƯNG	4.000
81	AN GIANG	CTY TNHH CHẨN THÀNH	4.000
82	AN GIANG	CTY TNHH LT TÂN VƯƠNG	4.000
83	CẦN THƠ	CTY CP NS VINACAM	4.000
84	CẦN THƠ	CTY CP CB & KD LT VIỆT THÀNH	4.000
85	KIÊN GIANG	CTY TNHH LT THUẬN PHÁT KIÊN GIANG	4.000
86	TP. HCM	CTY CP SÀI GÒN LƯƠNG THỰC	4.000
87	HÀ NỘI	CTY CP LT HÀ SƠN BÌNH	4.000
88	HÀ NỘI	CTY CP HÓA CHẤT CN TÂN LONG	4.000
89	CẦN THƠ	CTY TNHH NS VINACAM CỜ ĐỎ	3.000
90	HÀ NỘI	CTY CP XNK LTTP HÀ NỘI	3.000
91	BÌNH THUẬN	CTY CP LT NAM TRUNG BỘ	3.000
92	AN GIANG	CTY TNHH XNK PHƯỚC TIẾNG	3.000

STT	TỈNH/T. PHỐ THEO ĐỊA BÀN ĐĂNG KÝ KD	TÊN THƯƠNG NHÂN	SỐ LƯỢNG (Tấn quy gạo)
93	BẾN TRE	CTY LT BẾN TRE	3.000
94	CẦN THƠ	DNTN TRUNG THẠNH	3.000
95	CẦN THƠ	DNTN THÀNH LỢI	3.000
96	CẦN THƠ	CTY TNHH NGỌC TIỀN	3.000
97	CẦN THƠ	CTY TNHH MTV CB LT VẠN LỢI	3.000
98	ĐỒNG THÁP	CTY TNHH MTV TM XNK TÂN PHÁT	3.000
99	ĐỒNG THÁP	CTY TNHH TM XNK LỘC ANH	3.000
100	LONG AN	CTY TNHH THÀNH PHÁT	3.000
101	LONG AN	DNTN NĂM ĐIỀU	3.000
102	LONG AN	CTY TNHH VIỆT THANH	3.000
103	LONG AN	DNTN PHƯỚC THÀNH II	3.000
104	TIỀN GIANG	CTY TNHH TÀI LỘC KHANG THỊNH PHÁT	3.000
105	TP. HCM	TỔNG CTY NN SÀI GÒN - TNHH MTV	3.000
106	TP. HCM	CTY TNHH SXTM PHƯỚC THÀNH BẦY MẬP	3.000
107	TP. HCM	CTY CP TẬP ĐOÀN INTIMEX	3.000
108	TP. HCM	CTY TNHH TM - DV THIÊN NHIÊN	3.000
109	TP. HCM	CTY TNHH ĐẦU TƯ PHƯỚC SƠN	3.000
110	TP. HCM	CTY CP SX DV XNK HÀ NỘI	3.000
111	TP. HCM	CTY TNHH TM ĐT TÍN THƯƠNG	3.000
112	BẮC GIANG	CTY CP LT HÀ BẮC	3.000
113	LẠNG SƠN	CTY CP LT CAO LẠNG	3.000
114	HÀ NỘI	CTY CP XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM	3.000
115	HÀ NỘI	CTY CP XNK & HTĐT VILEXIM	3.000
116	HÀ NỘI	TỔNG CTY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI	3.000
117	LONG AN	CTY CP NGỌC MEKONG	3.000
118	AN GIANG	CTY TNHH MTV CB LT VĨNH TRẠCH	2.000
119	AN GIANG	CTY CP HƯNG LÂM	2.000
120	ĐỒNG THÁP	CTY CP DOCIMEXCO	2.000
121	ĐỒNG THÁP	HTX TÂN CƯỜNG	2.000
122	HẬU GIANG	CTY TNHH ĐT ĐẠI PHÁT	2.000
123	LONG AN	CTY TNHH VĨNH THỊNH PHÁT	2.000
124	TP. HCM	CTY CP HOÀN MỸ	2.000
125	TP. HCM	CTY TNHH GẠO VIỆT	2.000
126	TP. HCM	CTY TNHH XNK ĐẠI DƯƠNG XANH	2.000
127	CẦN THƠ	NÔNG TRƯỜNG SÔNG HẬU	1.000
128	LONG AN	DNTN NGỌC TÙNG	500
TỔNG CỘNG			1.000.000